

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Phận.

Bà Lâm Thị Loan Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Dương Thanh T, sinh năm 1953 (có mặt).

2. Bà Phan Thị L, sinh năm 1954 (có mặt).

Trú ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1981 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Trú ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh T, bà Phan Thị L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2016 vợ chồng ông T, bà L có cho vợ chồng bà L, ông T1 vay tiền và vàng nhiều lần, cụ thể: vay tiền 25 lần tổng số tiền 334.550.000 đồng và vay vàng tổng cộng 30 chỉ vàng 9999 và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Tại đơn khởi kiện vợ chồng nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn bà L, ông T1 trả số tiền còn nợ 334.550.000 đồng và trả số vàng còn nợ 30 chỉ vàng 9999 và 03 chỉ 09 phân vàng 18K.

Tại buổi đối chất và hòa giải do Tòa án tiến hành ngày 29/12/2021 vợ chồng ông T, bà L đồng ý chốt nợ với bị đơn như sau: Tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả nợ là 309.000.000 đồng và tổng số vàng yêu cầu bị đơn bà L, ông T1 trả nợ là 05 chỉ vàng 10 tuổi và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Tại phiên tòa yêu cầu bị đơn bà L, ông T1 liên đới trả số nợ trên trong một lần.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L trình bày:

Việc bà vay tiền và vàng của vợ chồng ông T, bà L thì chồng bà không hay biết, bà chỉ đứng một mình vay nợ, mục đích để cho người khác vay lại. Bà thừa nhận có nợ vợ chồng ông T, bà L tổng số tiền 309.000.000 đồng và tổng số vàng nợ là 05 chỉ vàng 10 tuổi và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Đồng ý trả mỗi 03 tháng trả 7.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nguyên đơn yêu cầu trả một lần bà không đủ khả năng. Mặc dù số nợ trên do một mình bà đứng vay nhưng khi chồng bà hay biết cũng đồng ý vợ chồng cùng trả nợ cho nguyên đơn.

Theo biên bản hòa giải của Tòa án ngày 01/02/2021 bị đơn ông Nguyễn Thành T1 có lời trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Diệu L là vợ chồng, bà L nợ nần ông T, bà L như thế nào ông không biết, do vợ ông không bàn bạc với ông. Ông không liên quan số nợ của nguyên đơn nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn bà L, ông T1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 10 và 03 chỉ 09 phân vàng 18K quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm xét xử. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tà Đ, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, căn

cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Phiên tòa đã mở lần thứ hai bị đơn ông Nguyễn Thành T1 có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông T1. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ 334.550.000 đồng và trả số vàng còn nợ 30 chỉ vàng 9999 và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi một phần khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 10 và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Xét việc thay đổi một phần nội dung khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Nguyên đơn ông T, bà L và bị đơn bà L thống nhất chốt số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 10 tuổi (vàng 24K) và 03 chỉ 09 phân vàng 18K. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện nguyên đơn không cần phải chứng minh do bị đơn đã thừa nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng, nguyên đơn yêu cầu cả vợ chồng ông T1, bà L liên đới trả số nợ trên. Quá trình Tòa án mời làm việc ông T1 phủ nhận số nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà L trình bày mục đích bà vay nợ để cho người khác vay lại với mức lãi suất cao hơn, mặt khác, thời gian gần đây chồng bà ông T1 cũng đồng ý cùng bà trả nợ cho nguyên đơn. Xét việc bà L vay nợ để cho vay lại sẽ phát sinh thu nhập từ giao dịch cho vay nên có thu nhập phục vụ sinh hoạt gia đình, do đó khoản nợ trên được xem là nợ chung của vợ chồng. Nguyên đơn yêu cầu cả vợ chồng bà L, ông T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà L, ông T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 24K (vàng 10 tuổi) và 03 chỉ 09 phân vàng 18K, đối với việc trả vàng cần quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm xét xử, cụ thể $05 \text{ chỉ vàng } 24K \times 5.195.000 \text{ đồng/chỉ} = 25.975.000 \text{ đồng}$ và $03 \text{ chỉ } 09 \text{ phân vàng } 18K \times 4.058.000 \text{ đồng/chỉ} = 15.826.200 \text{ đồng}$. Tổng số vàng được quy ra giá trị bằng tiền tương đương 41.801.200 đồng.

[4] Về thời gian trả nợ: Bị đơn xin trả mỗi 03 tháng trả 7.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ và thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L, ông T1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông T, bà L số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ 5 chỉ vàng 24K và 03 chỉ 09 phân vàng 18K có giá trị tương đương 41.801.200 đồng, như vậy bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 350.801.200 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả. Nguyên đơn ông T, bà L là

người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 92, Điều 244, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 288 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Thanh T, bà Phan Thị L về việc đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L, ông Nguyễn Thành T1 liên đới trả số tiền và số vàng còn nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L, ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Dương Thanh T, bà Phan Thị L số tiền còn nợ 309.000.000 đồng và số vàng còn nợ 5 chỉ vàng 24K và 03 chỉ 09 phân vàng 18K có giá trị tương đương 41.801.200 đồng. Tổng số tiền bà L, ông T1 có nghĩa vụ trả ông T, bà L là 350.801.200 đồng (Ba trăm năm mươi triệu tám trăm lẻ một nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu L, ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 17.540.060 đồng (Mười bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn không trăm sáu mươi đồng). Ông Dương Thanh T, bà Phan Thị L được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp